

THỰC TRẠNG TIẾP NHẬN VÀ SỬ DỤNG KẾT HỢP TỪ TRONG CÁC BÀI VIẾT HỌC THUẬT CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ TƯ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

THE CURRENT STATE OF COLLOCATION ACQUISITION AND USAGE IN ACADEMIC WRITING OF FOURTH-YEAR ENGLISH MAJOR STUDENTS AT A UNIVERSITY IN HA NOI

Nguyễn Thị Minh¹, Phạm Hiền^{2,*}

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2024.328>

TÓM TẮT

Viết học thuật là một trong những kỹ năng bắt buộc của sinh viên ngôn ngữ Anh, trong đó việc sử dụng thành thạo kết hợp từ (collocation) được coi là chỉ dấu cho khả năng viết trôi chảy như người bản ngữ. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy sinh viên chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của kết hợp từ trong kỹ năng viết. Với mong muốn nâng cao ý thức sử dụng kết hợp từ và chất lượng các bài viết của người học, nhóm tác giả tiến hành khảo sát hiểu biết của sinh viên năm tư ngành ngôn ngữ Anh về kết hợp từ và mức độ sử dụng kết hợp từ trong kỹ năng viết thông qua bảng hỏi, đồng thời đánh giá các lỗi người viết có thể gặp phải thông qua việc phân tích các bài viết của sinh viên. Trong bối cảnh dạy và học ngoại ngữ không thể tách rời công nghệ, đặc biệt là sau sự ra đời của ChatGPT, nhóm tác giả đề xuất sử dụng ChatGPT như một công cụ tối ưu trong việc hỗ trợ sinh viên sửa lỗi và cải thiện khả năng sử dụng kết hợp từ đúng trong các bài viết luận.

Từ khóa: *Viết học thuật; sử dụng kết hợp từ; lỗi kết hợp từ; sửa lỗi; ChatGPT.*

ABSTRACT

Academic writing is a compulsory subject for students of English major, in which the proficiency in collocation usage is considered a marker of writing mastery as a native speaker. However, from observation and teaching experience, the authors came to the conclusion that students often underestimate the importance of collocation. In order to enhance the awareness in using collocation and learners' writing quality, the author surveyed students' understanding about collocation and the frequency of using collocation in writing skill through questionnaire and analyzed collocation errors made by students in their writing papers. In the context of teaching and learning English being inseparable, the authors proposed ChatGPT as an effective tool for collocation correction and improvement in their collocation competence in writing essays.

Keywords: *Academic writing, collocation usage, collocation error, error correction, ChatGPT.*

¹Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phương Đông

²Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: hienp@hauivn.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 24/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 28/10/2024

1. MỞ ĐẦU

Việc dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, chưa bao giờ nhận được sự quan tâm lớn như hiện nay. Đây là vinh dự nhưng cũng là thách thức không chỉ với người dạy mà còn cả với người học. Thành thạo một ngoại ngữ đồng nghĩa với việc thành thạo cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết, trong đó kỹ năng viết, đặc biệt là viết luận luôn được xem là nhiệm vụ khó khăn nhất cho người học.

Một trong những khó khăn của sinh viên khi viết học thuật (theo định dạng IELTS) là không biết cách kết hợp từ, trong khi đó khả năng sử dụng từ và kết hợp từ là một trong bốn tiêu chí chấm điểm cho bài luận học thuật, điều này làm giảm kết quả học tập của người học. Trước đây, phương pháp học kết hợp từ (KHT) chủ yếu cho người học tiếng Anh là tra từ điển kết hợp từ và học từ giáo viên trên lớp học. Phương pháp học này tốn rất nhiều thời gian và làm chậm tốc độ hoàn thành bài luận của người học. Sự xuất hiện của Google dịch và các loại từ điển điện tử khác cũng đã góp phần khiến cho việc sử dụng đúng KHT trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, sự ra đời của ChatGPT mới thực sự là một bước ngoặt lớn giúp

việc tìm KHT đúng có thể được thực hiện trong vài giây. Mặc dù ChatGPT đã được sử dụng rộng rãi bởi người học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, chưa có công trình nào ở Việt Nam nghiên cứu về tính hiệu quả của việc sử dụng ChatGPT trong việc sử dụng KHT khi viết bài luận tiếng Anh học thuật.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Định nghĩa về KHT

Kết hợp từ là sự kết hợp thường xuyên của một từ với một từ hoặc nhiều từ khác với tần suất không hẳn là ngẫu nhiên. Firth lần đầu tiên đề cập đến nó vào năm 1934 như là "một tập hợp từ gắn kết". Theo Firth, nghĩa của từ được xác định dựa vào KHT mà nó tham gia. Nation đã đưa ra một phân tích hình thái về KHT dựa trên các thành phần của nó trong từ "collocation", trong đó 'col' có nghĩa là 'cùng nhau'; '-loc-' có nghĩa là 'đặt hoặc để' [16]. Trong khi đó, Haliday và Hasan (1976) coi KHT là 'sự gắn kết từ vựng', tức là hiệu ứng gắn kết đạt được bằng cách lựa chọn từ vựng. Tương tự như vậy, O'Dell và McCarthy định nghĩa KHT là "cặp từ thường xuyên xuất hiện cùng nhau, với tần suất cao" [16]. Ngoài ra, Colin và cộng sự coi KHT là cách các từ kết hợp trong một ngôn ngữ để tạo ra lời nói và văn bản tự nhiên [7]. Tóm lại, KHT chính là sự kết hợp từ vựng quen thuộc, phản ánh đặc tính tự nhiên của ngôn ngữ, mang đến sự mạch lạc về nghĩa giúp người học diễn đạt chính xác như người bản ngữ.

2.2. Các loại KHT

KHT được các nhà nghiên cứu phân loại theo các tiêu chí khác nhau. Các nhà nghiên cứu lớn thuộc lĩnh vực này bao gồm Benson và cộng sự [4], Lewis [13] và Hill [12]. Dựa vào cấu trúc từ, Benson và cộng sự [4] chia KHT ra hai loại là kết hợp từ theo ngữ pháp và theo từ vựng. Kết hợp từ theo từ vựng là sự kết hợp các từ loại chính với nhau như danh từ, động từ, tính từ... Theo tiêu chí này, trong tiếng Anh có 7 cách kết hợp từ. Trong khi đó, kết hợp từ theo ngữ pháp là cách kết hợp một từ loại chính và một từ có chức năng ngữ pháp. Theo đó, sẽ có 8 loại KHT. Lewis [13] liệt kê 20 loại KHT vì chúng hay xuất hiện cùng nhau. Khác với hai tác giả trên, Hill [12] lại phân KHT ra làm bốn loại là kết hợp từ duy nhất, kết hợp từ mạnh, kết hợp từ vừa và kết hợp từ yếu.

2.3. Khó khăn khi học KHT

Thực tế cho thấy, hiểu đúng và dùng được KHT là một thách thức đối với người học ngoại ngữ. Hill cho rằng, người học ngoại ngữ không hiểu hết về KHT và thường học từ riêng biệt [12]. Khi phải đặt câu hay ghép từ, người học có xu hướng ghép các từ họ biết mà không cần biết

người bản ngữ có dùng như vậy hay không, dẫn đến văn phong không tự nhiên, diễn đạt dài dòng và trong một số trường hợp được coi là không thể chấp nhận trong ngôn ngữ gốc. Điều này cũng khiến người viết mắc thêm các lỗi ngữ pháp và từ vựng khác. Hsue chỉ ra những khó khăn của người viết học thuật trong việc lựa chọn cụm từ phù hợp. Một trong những khó khăn đó là người học không quen với cách kết hợp các từ. Người viết có thói quen lựa chọn từ đồng nghĩa nhưng rất nhiều trong số đó không thể hiện chính xác ý của người viết trong các văn cảnh khác nhau như người bản ngữ vẫn dùng. Siyanova và Schmitt [19] lo lắng rằng số lượng KHT quá lớn thật sự là một trở ngại cho người học. Khi chấm bài giảng viên phải sửa từng cụm từ cho học viên và việc này không thực sự hiệu quả vì nó mất nhiều thời gian và cũng không giúp người học tiếp thu được nhiều cụm từ.

Ở Việt Nam, cũng có một số nghiên cứu đáng chú ý về bất cập trong việc dạy và học KHT. Tác giả Nguyễn Thị Minh Nguyệt và Hoàng Thị Khánh Tâm trong "*nghiên cứu về kết hợp từ trong bài luận của sinh viên năm hai*" đã phân tích dữ liệu trong 35 bài viết luận của sinh viên và phỏng vấn giáo viên cho thấy người học không quen với việc nắm vững kiến thức về cụm từ; biết ít hơn 50% tổng thể của mỗi loại cụm từ [22]. Tác giả Lê cũng đã thực hiện một nghiên cứu để xem xét nhận thức của giáo viên về cụm từ và cách tiếp cận để vận dụng cụm từ ở trường trung học. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự hiểu biết của giáo viên trong lĩnh vực cụm từ từ vựng là không đủ. Ngoài ra, học sinh không được hướng dẫn đầy đủ về cụm từ.

2.4. Tầm quan trọng của KHT trong kỹ năng viết học thuật

Nhiều nghiên cứu và thực tế đã nói về tầm quan trọng của KHT trong kỹ năng viết nói chung và viết học thuật nói riêng. Zhang đã thăm dò mối tương quan giữa khả năng sử dụng thành thạo các cụm từ tiếng Anh và chất lượng viết của sinh viên đại học trong một bối cảnh khác tại Hoa Kỳ. Dựa trên dữ liệu đã phân tích, ông kết luận rằng kiến thức về cụm từ là nguồn gốc của khả năng viết thành thạo.

Trong bối cảnh ở Malaysia, Adlina Arriffin và Bilan Mohamad Abdi [1] đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa sự thành thạo trong việc sử dụng KHT và kỹ năng viết với đối tượng tham gia là 20 sinh viên sau đại học tại Djiboutian. Nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tích cực giữa kiến thức KHT và sản phẩm viết của người học. Nghiên cứu cũng phát hiện những khó khăn mà các sinh viên này gặp phải khi kết hợp từ tiếng Anh. Tác giả nhấn mạnh sự cần thiết trong việc dạy sinh viên về kỹ năng KHT và thiết kế tài liệu dạy KHT để phát triển kỹ năng viết.

Trong một bối cảnh nghiên cứu khác tại Pakistan, các tác giả đã kiểm chứng ảnh hưởng của KHT đối với kỹ năng viết sáng tạo của học sinh cấp 3. Các tác giả sử dụng phương pháp thí nghiệm đối chứng với hai nhóm đối tượng bằng bài kiểm tra trước và sau nghiên cứu. Nghiên cứu tiết lộ rằng người học tiếng Anh tại Pakistan gặp rất nhiều khó khăn khi viết bài do không nắm vững kiến thức về kết hợp từ liên quan đến chủ đề. Kết quả của nghiên cứu chứng minh rằng việc đưa phương pháp học KHT vào bài giảng có ảnh hưởng lớn đến khả năng viết sáng tạo của học sinh và kiến thức về KHT đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng viết luận của người học.

Để thăm dò thêm hiệu quả của hướng dẫn về cụm từ trong quá trình phát triển kỹ năng viết của người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở Iran, Ghonsooli, Pishgaman và Mahjoobi chỉ ra rằng các đối tượng đã đạt được sự cải thiện đáng kể về hiệu suất viết do sử dụng cụm từ. Các tác giả khẳng định rằng việc học và sử dụng thành thạo KHT giúp người học đạt được độ trôi chảy trong kỹ năng viết như người bản ngữ trong ngôn ngữ đó.

Kết quả của các nghiên cứu trên trùng với quan điểm của Nation [16] khi ông phân tích mối liên hệ giữa hiểu biết về KHT và khả năng viết câu ngắn gọn, súc tích nhưng hiệu quả của người học. Tác giả này chỉ ra rằng vốn KHT giúp người học đáp ứng được các yêu cầu trong việc xử lý các hoạt động viết, do đó nâng cao hiểu biết về KHT của người học ngoại ngữ đồng nghĩa với việc nâng cấp kỹ năng nói và viết vì vốn từ vựng có thể giúp người học đáp ứng được các yêu cầu trong việc xử lý các hoạt động viết.

Brown [5] khẳng định rằng kiến thức vững chắc về KHT có thể tăng cường sự thành thạo trong các kỹ năng ngoại ngữ, đặc biệt là kỹ năng viết luận. Những người thường xuyên sử dụng KHT và có vốn hiểu biết về KHT rộng có khả năng diễn đạt trôi chảy, rõ ý và súc tích, trong khi đó những người ít sử dụng KHT thường diễn đạt dài dòng nhưng lại không rõ ý. Khác với các kỹ năng còn lại, viết luận yêu cầu người học nắm chắc cấu trúc và diễn đạt ý một cách súc tích. Việc thông thạo các cụm từ khóa liên quan đến chủ đề viết cho phép người viết diễn đạt ý một cách chính xác, tránh rườm rà.

2.5. Lỗi viết và phân tích lỗi

Theo Corder [8] trong "*The significance of Learner's errors*", lỗi không chỉ là những sai sót cần sửa chữa mà còn có ý nghĩa quan trọng trong quá trình học ngôn ngữ. Lỗi giúp giáo viên hiểu rõ hơn về những khó khăn và nhu cầu học tập của người học và thể hiện cách người học thử nghiệm, áp dụng các quy tắc ngôn ngữ. Trong "*Error analysis*" [9], tác giả phân lỗi thành hai loại là lỗi hệ thống

và lỗi không hệ thống, theo đó lỗi hệ thống là những lỗi liên quan đến quy tắc ngôn ngữ và phản ánh những vấn đề kiến thức ngôn ngữ của người học. Lỗi viết có thể xuất phát từ các yếu tố như chuyển di ngôn ngữ, thiếu kiến thức về ngữ pháp và từ vựng hoặc do ảnh hưởng của cấu trúc tiếng mẹ đẻ. Trong giảng dạy ngôn ngữ, việc phân tích các loại lỗi là cơ sở để giáo viên xác định được các điểm yếu của người học, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học.

2.6. Nghiên cứu về ChatGPT

ChatGPT là một chatbot do OpenAI phát triển, dựa trên mô hình ngôn ngữ tạo văn bản có tên là GPT-3.5. Bằng cách vận dụng AI (trí tuệ nhân tạo), Chat GPT sẽ tạo ra một đoạn văn bản để trả lời cho các câu hỏi, thắc mắc mà người dùng đưa ra.

ChatGPT cung cấp một loạt khả năng cho việc học ngôn ngữ vượt qua các ranh giới tư phạm truyền thống [3]. Nó có thể mô phỏng các tương tác xác thực, làm sáng tỏ các sắc thái ngữ nghĩa của từ, sửa lỗi ngôn ngữ, tạo văn bản trên nhiều thể loại khác nhau và thậm chí phát triển các câu đối tượng tác. Bằng cách cung cấp một loạt các nhiệm vụ dựa trên ngôn ngữ đa dạng như vậy, nó mở đường cho một trải nghiệm học tập năng động, hấp dẫn và được cá nhân hóa hơn. Một khả năng chính của ChatGPT là khả năng tạo điều kiện cho việc khám phá vốn từ vựng chuyên sâu. Mô hình này không chỉ có thể cung cấp các định nghĩa giống như từ điển mà còn ngữ cảnh hóa các từ, mang đến cho người học sự hiểu biết toàn diện hơn về cách sử dụng ngôn ngữ. Để minh họa, người học không chắc chắn về nghĩa của một từ trong văn bản do giáo viên giao có thể tham gia ChatGPT để được giải thích, ngay cả bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Hơn nữa, người học có thể được hưởng lợi từ các câu ví dụ và ý nghĩa bổ sung do ChatGPT cung cấp, giúp họ nắm bắt được sự phong phú và phức tạp của tiếng Anh.

Chong [6] đã nghiên cứu một chuyên ngành tiếng Anh tại trường đại học trong một thí nghiệm giảng dạy kéo dài 19 tuần, sử dụng kỹ thuật giáo dục kết hợp do AI hỗ trợ cho việc viết tiếng Anh. Mục tiêu của thí nghiệm là cải thiện khả năng viết tiếng Anh của sinh viên. Những lợi ích này đã nâng cao phương pháp giáo dục viết tiếng Anh thông thường và xây dựng một phương pháp AI kết hợp. Những phát hiện của nghiên cứu chứng minh trình độ viết tiếng Anh của sinh viên có thể tăng nhanh như thế nào thông qua phương pháp giảng dạy kết hợp dựa trên AI. Phương pháp này có thể hỗ trợ sinh viên thành công trong việc rèn luyện khả năng viết tiếng Anh của mình và khơi dậy sự quan tâm của họ đối với môn học này. Ví dụ

này chứng minh cách mô hình giáo dục có thể được hiện thực hóa và sử dụng trong hướng dẫn lớp học thông thường trong tương lai. Thảo luận sâu hơn về giá trị của mô hình giảng dạy này nên tiếp tục trong các nghiên cứu trong tương lai.

Nghiên cứu được công bố của Lin [15] nêu bật năm tính năng chính của ChatGPT, bao gồm sức mạnh phân tích, phản ứng phản hồi, hướng dẫn thích ứng, nói theo ngữ cảnh và khả năng đa ngôn ngữ. ChatGPT có thể đóng vai trò là gia sư ảo, cung cấp phản hồi linh hoạt và phù hợp cho học sinh và cũng có thể thúc đẩy việc học bên ngoài lớp học truyền thống. Ngoài ra, khả năng tạo ra nhiều thể loại văn bản khác nhau liên quan đến một chủ đề cụ thể của ChatGPT có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao kỹ năng viết của người học [20, 21]. Tính linh hoạt trong việc tạo ra thể loại này có thể thúc đẩy khả năng sáng tạo của người học và cải thiện kỹ năng viết theo từng thể loại của họ.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu và mục đích nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 30 sinh viên năm 4 trong cùng một lớp học, đang luyện viết luận trong môn học khung năng lực (IELTS) tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phương Đông. Những sinh viên này đã được học cách viết các dạng bài luận của IELTS và hoàn thành các kỳ học thực hành tiếng cơ bản. Việc lựa chọn đối tượng tham gia trong cùng một lớp học là để đảm bảo bài viết cùng được hướng dẫn bởi một giáo viên với chủ đề viết và yêu cầu như nhau. Mục đích của nghiên cứu là khảo sát hiểu biết, mức độ sử dụng và các lỗi KHT hay mắc phải của sinh viên khi viết bài và hiệu quả của ChatGPT trong khả năng hỗ trợ sửa lỗi cũng như dùng KHT đúng.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Để tìm hiểu về mức độ hiểu biết và sử dụng KHT, nhóm tác giả sử dụng bảng khảo sát với 8 câu hỏi, trong đó sinh viên tự nhận định về sự thành thạo của mình đối với KHT. Kết quả của bảng khảo sát được công cụ Google form thống kê thành bảng biểu và được tác giả dùng để phân tích.

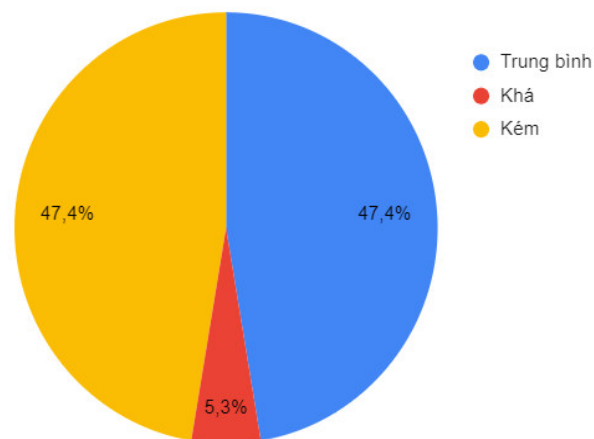
Để kiểm chứng bảng khảo sát và tìm ra các loại lỗi KHT sinh viên mắc phải khi viết luận, tác giả sử dụng phương pháp thực nghiệm bằng cách phân tích 30 bài viết về 1 chủ đề trong chương trình học của sinh viên "Some believe that people should not continue to work once they reach the age of retirement. Do you agree or disagree? Give reasons for your answer and include relevant examples from your experience".

Trong khi viết bài, sinh viên được phép sử dụng điện thoại tra từ điển và dùng Google, nhưng được yêu cầu không sử dụng ChatGPT. Giáo viên thu bài và đánh dấu các lỗi sai về KHT. Nhóm tác giả sử dụng từ điển KHT của Oxford và ChatGPT4 để đối chiếu lỗi sai. Sau đó, sinh viên được trả lại bài viết và được yêu cầu sử dụng ChatGPT4 và dùng lệnh "viết lại cụm từ này cho đúng" để sửa lỗi. Nhóm tác giả thu lại bài viết để kiểm tra xem các lỗi đã được giáo viên chỉ ra được sinh viên sửa thế nào.

Do sự hạn chế về mặt thời gian và để đảm bảo sự tập trung, nhóm tác giả chỉ đánh dấu các lỗi kết hợp từ vựng bao gồm: 1. *Tính từ và danh từ*; 2. *Động từ và danh từ*; 3. *Trạng từ và tính từ*; 4. *Danh từ và danh từ*; 5. *Trạng từ và động từ*; 6. *Danh từ và động từ*; 7. *Động từ và cụm giới từ*

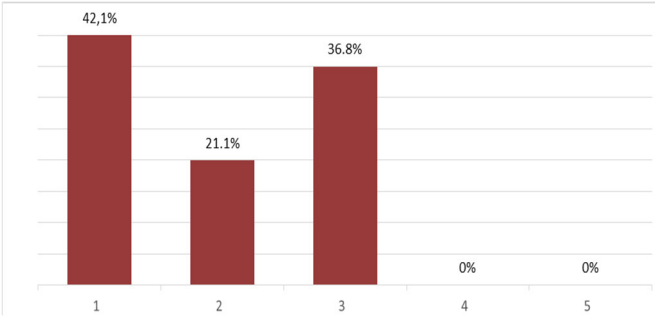
4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Mức độ hiểu biết và khả năng sử dụng KHT của sinh viên



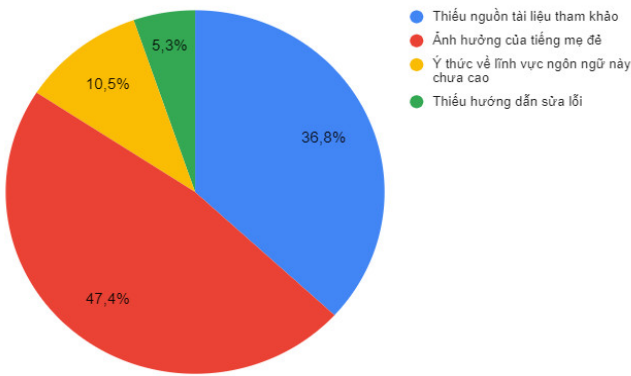
Hình 1. Mức độ hiểu biết của sinh viên về KHT

Kết quả khảo sát cho thấy, gần một nửa người tham gia khảo sát nhận mình kém hiểu biết về KHT và số lượng người tương tự nhận mình chỉ hiểu biết ở mức độ tương đối (hình 1). Từ kinh nghiệm dạy học thực tế, nhóm tác giả thấy số liệu này phản ánh tình trạng chung của sinh viên học ngoại ngữ, dùng KHT tự nhiên chứ không học bài bản hoặc được hướng dẫn chi tiết về lĩnh vực ngôn ngữ này. Điều này lý giải gần một nửa sinh viên được khảo sát tự nhận mình ở mức độ thấp nhất trong thang thành thạo về sử dụng KHT (hình 2) và có tới hơn một nửa sinh viên được khảo sát thấy việc sử dụng KHT chỉ ở mức tương đối quan trọng. Chính việc đánh giá thấp tầm quan trọng của KHT trong việc học ngoại ngữ nói chung và kỹ năng viết nói riêng đã khiến người học không tìm tòi các cụm từ quen dùng liên quan đến chủ đề viết. Thực trạng này giải thích cho việc một nửa tự nhận thường xuyên mắc lỗi KHT khi viết bài.



Hình 2. Đánh giá của sinh viên về mức độ thành thạo trong việc sử dụng KHT

Sinh viên cho rằng nguyên nhân chủ yếu của lỗi KHT là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thiếu nguồn tham khảo (hình 3). Chỉ có khoảng 1/10 số sinh viên tham gia khảo sát cho rằng ý thức hạn chế về lĩnh vực ngôn ngữ này chính là nguyên nhân của việc mắc lỗi KHT khi viết bài. Kết quả này phản ánh thực tế là sinh viên không được học bài bản về mảng từ vựng này và giáo viên có thể không hướng dẫn cụ thể về KHT trong các buổi thực hành viết.



Hình 3. Nguyên nhân mắc lỗi KHT khi viết luận

4.2. Các loại lỗi sinh viên mắc phải và nguyên nhân

Để phục vụ nghiên cứu, giáo viên chỉ tập trung tìm 7 loại lỗi và thống kê được một số lỗi sinh viên mắc phải với mỗi loại như thể hiện bảng 1.

Bảng 1. Một số lỗi sinh viên mắc phải

Loại lỗi	Lỗi trong bài	Sửa lỗi bởi ChatGPT
1. Tính từ - danh từ	A limited plus points Enough salary	A number of strong points/ a few advantages Adequate salary/ sufficient salary/ fair salary/ appropriate salary
2. Động từ - danh từ	Have pressure Meet health problems	Experience pressure/ face pressure Encounter health problems/ face health problems/ struggle with health problems

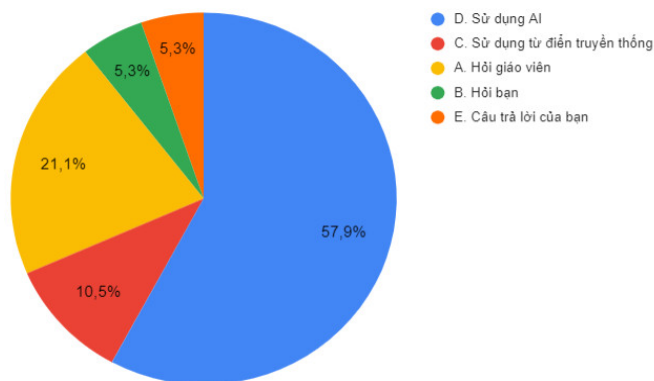
3. Danh từ - danh từ	Work problem Elderly work	Workplace dilemma/ job challenge Senior employment/ elderly workforce
4. Động từ - giới từ	Decide retire (Live until they) pass Work past (retirement age) Require all workers having high-tech skills	Decide to retire/ decide on retirement (Live until they) pass away Work beyond (retirement age) Require all workers to have high-tech skills

Dựa vào bảng thống kê, chúng tôi thấy rằng sinh viên chủ yếu mắc các lỗi kết hợp tính từ với danh từ, động từ với danh từ, danh từ ghép và động từ với giới từ. Nguyên nhân chủ yếu khiến sinh viên mắc phải lỗi kết hợp tính từ với danh từ là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. Ví dụ, trong tiếng Việt, chúng ta thường nói kiếm đủ tiền hoặc có mức lương đủ để trang trải cuộc sống. Khi dịch sang tiếng Anh, người học lấy từ “enough” kết hợp với “salary” thay cho “money” vì nghĩ “salary” chính là tiền, trong khi đó, cụm từ quen dùng trong tiếng Anh phải là “have enough money to do something” hoặc nếu muốn dùng từ “salary”, phải là “an adequate/ a sufficient salary”. Tương tự như vậy, do ảnh hưởng của tư duy ghép từ tiếng Việt, sinh viên cũng mắc lỗi kết hợp động từ - danh từ. Ví dụ, muốn có cụm từ gặp các vấn đề về sức khỏe, sinh viên kết hợp từ “meet” và “health problems”, nhưng trong từ điển KHT, để diễn đạt ý này, chúng ta phải dùng động từ experience/ encounter/ struggle with / suffer from. Tương tự như vậy, lỗi kết hợp danh từ với danh từ cũng bắt nguồn chủ yếu từ ảnh hưởng của tiếng Việt. Trong tiếng Việt, các danh từ có thể được kết hợp với nhau mà không cần thay đổi cấu trúc ngữ pháp hoặc thêm giới từ. Hơn nữa, khi đặt câu trong tiếng Việt, người Việt thường dùng động từ để diễn đạt ý thì trong tiếng Anh, danh từ ghép hoặc cụm danh từ lại có khả năng diễn đạt ý của người viết chính xác và súc tích hơn. Ví dụ, cụm từ “những người đến tuổi nghỉ hưu” thì nghỉ hưu được dùng như một động từ, nhưng khi chuyển sang tiếng Anh thì lại thành cụm danh từ “people at retirement age”. Do không ý thức được tầm quan trọng của việc dùng danh từ ghép nên sinh viên không cầu kỳ trong việc lựa chọn cụm từ thật sự thích hợp.

Ảnh hưởng tư duy từ tiếng mẹ đẻ, việc thiếu hiểu biết về kết hợp từ cũng như việc chưa cẩn trọng trong lựa chọn nguồn tham khảo cũng là nguyên nhân cho các lỗi kết hợp động từ và giới từ. Trong tiếng Việt, giới từ không

được sử dụng phổ biến như trong tiếng Anh cũng như không yêu cầu nhiều về sự phối hợp giữa động từ và giới từ dẫn tới việc khi dịch ý sang tiếng Anh, sinh viên có thể bỏ qua hoặc sử dụng sai giới từ. Do không ý thức được tầm quan trọng của việc kết hợp từ nên sinh viên không nỗ lực trong việc ghi nhớ các cụm động từ, dẫn tới hạn chế khi thực hành sử dụng trong văn phong học thuật đòi hỏi sự chính xác cao về ngôn ngữ.

4.3. Cách khắc phục lỗi



Hình 4. Cách kiểm tra KHT của sinh viên

Dựa vào kết quả thống kê từ khảo sát trong hình 4, có thể thấy, đa số sinh viên dùng công cụ AI, trước đây là Google và bây giờ là ChatGPT để tra cứu cách sử dụng từ và khoảng 1/5 nhờ đến sự hỗ trợ của giáo viên. Điều này giải thích tại sao không có quá nhiều lỗi KHT được phát hiện trong bài viết. Với những trường hợp chưa dùng đến trợ giúp của ChatGPT vẫn mắc một số lỗi như liệt kê ở bảng phần 3, sau khi giáo viên đánh dấu và yêu cầu sinh viên dùng ChatGPT để sửa, tất cả các lỗi trên đều đã được sửa một cách chính xác đúng như ý của giáo viên.

Như vậy trong quá trình thực hành viết, ChatGPT đóng vai trò như một cuốn từ điển thông minh, giúp sinh viên lựa chọn đúng cụm từ cần dùng. Trong khi việc tra từ điển giấy rất tốn thời gian và sinh viên phải đọc cả trang giấy để tự mình lựa chọn từ phù hợp nhất, còn Google và các thanh công cụ khác lại cho các kết quả chưa thật chính xác do dữ liệu đầu vào ngôn ngữ còn hạn chế, việc nhờ trợ giúp của giáo viên trong một lớp học khoảng 30 sinh viên cũng không thực sự thoải mái và nhanh chóng, thì ChatGPT với mô hình ngôn ngữ cập nhật và lớn nhất lại có thể cung cấp đáp án chính xác nhất trong thời gian ngắn nhất, giúp sinh viên tập trung viết bài và đôi khi giữ được sự riêng tư với những người học khác.

Sau khi giáo viên chấm bài, ChatGPT không những giúp giáo viên làm các thao tác thủ công là gợi ý đáp án chính xác cho sinh viên, mà còn đóng vai trò như một công cụ sửa lỗi thông minh, đôi khi các đáp án ChatGPT

gợi ý còn phong phú hơn giáo viên, từ đó giúp sinh viên học được thêm các từ đồng nghĩa và KHT mới.

5. KẾT LUẬN

KHT đóng vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ nói chung và kỹ năng viết luận nói riêng. Việc sử dụng thành thạo KHT được coi là chỉ dấu cho sự thành thạo ngoại ngữ bởi nó khiến người viết có thể diễn đạt ý một cách phong phú, súc tích và tự nhiên như người bản ngữ. Tuy nhiên nhận thức về tầm quan trọng cũng như hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực này đối với sinh viên chưa thật sự như ý muốn, dẫn tới các bài viết còn dài dòng và đôi khi diễn đạt chưa đúng ý của người viết. Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên chỉ tập trung vào việc học từ vựng riêng lẻ mà không thật sự dành đủ quan tâm cho KHT tự nhiên trong tiếng Anh. Kết quả từ khảo sát thể hiện rằng, sinh viên chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của việc nắm vững KHT trong kỹ năng viết học thuật. Điều này có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan là năng lực ngôn ngữ của sinh viên chưa thật tốt. KHT là khả năng dùng ngôn ngữ một cách tự nhiên và chuẩn xác, đòi hỏi người dùng phải có năng lực cảm thụ và nhạy cảm về ngôn ngữ. Trong khi đó, nền tảng hiểu biết về bản chất ngôn ngữ của sinh viên còn hạn chế, dẫn đến việc nhìn nhận tầm quan trọng của lĩnh vực ngôn ngữ này còn hạn chế.

Thống kê từ 30 bài luận của sinh viên cũng cho thấy, số lượng các cụm từ KHT không nhiều, thể hiện rằng sinh viên chưa có thói quen dùng KHT hoặc khả năng sử dụng còn hạn chế. Không thể phủ nhận rằng, không phải tất cả sinh viên đều được tiếp cận với tài liệu hoặc chương trình học hướng dẫn chi tiết về KHT. Khi viết bài, sinh viên có xu hướng dịch trực tiếp từ tiếng Việt sang tiếng Anh mà không để ý đến sự khác biệt về KHT giữa hai ngôn ngữ. Điều này dẫn đến việc tạo ra những cụm từ không phù hợp. Hơn thế nữa, viết học thuật là một kỹ năng khó, đòi hỏi người viết không chỉ cần có năng lực ngôn ngữ tốt mà còn phải có tư duy phản biện sắc bén. Khi sinh viên chưa có năng lực ngôn ngữ và kỹ năng viết luận bằng tiếng mẹ đẻ tốt thì việc hạn chế trong khả năng dùng từ chính xác, tự nhiên và phong phú trong tiếng Anh là điều không thể tránh khỏi. Để khắc phục tình trạng này, KHT cần được đưa vào tài liệu dạy học với sự hướng dẫn cụ thể của giáo viên. Từ đó, sinh viên được học KHT một cách bài bản, hiểu rõ tầm quan trọng của lĩnh vực ngôn ngữ này và có ý thức sử dụng thường xuyên hơn.

Một vấn đề nữa là, trong quá trình học viết và thực hành viết, sinh viên có sử dụng các công cụ trợ giúp, nhưng đa số dựa vào từ điển đơn ngữ và Google dịch mà không sử dụng các từ điển chuyên về KHT, dẫn đến việc

dùng từ sai ngữ cảnh hoặc không tự nhiên. Với sự phát triển mạnh mẽ về khoa học máy tính, đa số các lớp học ngoại ngữ hiện tại đều đang được triển khai theo mô hình học kết hợp, trong đó việc tối ưu hóa các công cụ hỗ trợ ngôn ngữ như AI là điều không thể tránh khỏi bởi việc sử dụng từ điển truyền thống không còn thực sự phù hợp. Tuy nhiên không phải tất cả người học và người dạy đều hiểu rõ tính ưu việt của ChatGPT, đặc biệt là ChatGPT 4 trong việc hỗ trợ tra cứu và sửa lỗi KHT. Bởi vậy, khi thiết kế chương trình học, cần có tài liệu và những hướng dẫn cụ thể từ giáo viên trong việc sử dụng công cụ học này để ChatGPT phát huy thế mạnh, trở thành công cụ hữu hiệu giúp người học tăng khả năng học KHT đồng thời giảm bớt gánh nặng cho giáo viên trong các thao tác sửa lỗi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Adlina A., Bilan M. A. "The relationship between collocation competence and writing skills of EFL learners," *AJELP: Asian Journal of English Language and Pedagogy*, 8(1), 41-52, (2020).
- [2]. Bahns J., M. Eldaw, "Should we teach EFL students' collocations?," *System* 21(1): 101- 114, 1993.
- [3]. Baskara F. R., Mukarto F. X., "Exploring the Implications of ChatGPT for Language Learning in Higher Education," *Indonesian Journal of English Language Teaching and Applied Linguistics*, 7(2), 343-358, 2023.
- [4]. Benson M., Benson E., Ilson R., *The BBI Combinatory Dictionary of English*. Amsterdam: John Benjamins, 458, 1986.
- [5]. Brown D. F., "Advanced vocabulary teaching: The problem of collocation," *RELC Journal* 5(2): 1-11, 1974.
- [6]. Chong D., "Research on Artificial Intelligence-based English Writing Blended Teaching Mode," *Journal of Physics: Conference Series*, 1852, 2021.
- [7]. Colin Macintosh, Ben Francis, Richard Poole, *Oxford Collocations Dictionary for students of English*. Oxford: OUP, 2019.
- [8]. S. P. Corder, "The significance of learner's errors," *International Review of Applied Linguistics*, 5, 4, 161-170, 1967.
- [9]. S. P. Corder, "Error analysis," in *Techniques in applied linguistics*, P. B. Allen & S. P. Corder, Eds. London: Oxford University Press, pp122-154, 1974.
- [10]. Firth J. R., *Papers in Linguistics Oxford University Press*. London 1951: 1957, 1934.
- [11]. Halliday M. A. K., Hasan R., *Cohesion in English*. London: Longman, 1976.
- [12]. Hill J. "Revising priorities: From grammatical failure to collocational success," in M. Lewis (Ed.), *Teaching collocation: Further development in the lexical approach*, pp. 47-69. Boston: Thomson Heinle, 2000.

- [13]. Lewis M., *Teaching collocation: Further development in the lexical approach*. London: Commercial Color Press, 2000.
- [14]. Lewis M. (Ed.), *Teaching collocation: Further development in the lexical approach*. Boston: Thomson Heinle, 2000.
- [15]. Lin J., "ChatGPT and Moodle Walk into a Bar: A Demonstration of AI's Mind-blowing Impact on E-Learning," 2023. Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=4393445>.
- [16]. Nation P., *Teaching and learning vocabulary*. Boston: Heinle and Heinle, 1990.
- [17]. O'Dell F., McCarthy M., *English Collocations in Advanced Use*. Cambridge University Press, 2008.
- [18]. Shanim A., Nur R. N. "Exploring the Role of Collocation in Creative Writing among Pakistani Learners at Secondary Level: A Corpus-based Study," *World Journal of English Language* 12 (2), 382-382, 2022.
- [19]. Siyanova A., N. Schmitt, "L2 learner production and processing of collocation: A multi-study perspective," *Canadian Modern Language Review*, 64(3): 429-458, 2008.
- [20]. Warschauer M., Tseng W., Yim S., Webster T., Jacob S., Du Q., Tate T., "The Affordances and Contradictions of AI-Generated Text for Second Language Writers," 2023. Available at SSRN. <https://doi.org/10.2139/ssrn.4404380>.
- [21]. Yan D., "How ChatGPT's automatic text generation impact on learners in a L2 writing practicum: an exploratory investigation," 2023. <https://doi.org/10.35542/osf.io/s4nfz>
- [22]. Hoang Thi Khánh Tam, Nguyen Thi Minh Nguyet, "An investigation into the use of collocation in the essays of second-year English-majored students," *Journal of Inquiry into Languages and Cultures*, 7, 1, 54-64, 2023.

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thi Minh¹, Pham Hien²

¹Department of Foreign Languages, Phuong Dong University, Vietnam

²School of Languages and Tourism, Hanoi University of Industry, Vietnam